

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Số: 32/2014/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Dương, ngày 25 tháng 8 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công tác

Dân số - Kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh Bình Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

| | |
|------------------------------|-------------|
| SỞ TÀI CHÍNH TỈNH BÌNH DƯƠNG | |
| Số | 4982 |
| Ngày | 26. 8. 2014 |
| Chuyên | |

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Quyết định số 2013/2011/QĐ-TTg ngày 14/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BTC-BYT ngày 20/02/2013 của Bộ Tài chính - Bộ Y tế về quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Dân số và Kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2012 - 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2014/NQ-HĐND8 ngày 24/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về chế độ hỗ trợ đối với công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Xét đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 79/TTr-SYT ngày 18/8/2014 về việc ban hành chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh Bình Dương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh Bình Dương như sau:

Ngoài khoản chi hỗ trợ theo quy định của Trung ương, hàng năm từ nguồn ngân sách địa phương sẽ hỗ trợ thêm cho các hoạt động Dân số - Kế hoạch hóa gia đình gồm:



1. Chế độ hỗ trợ:

a) Hỗ trợ thêm cho người đình sản (triệt sản) và cơ sở y tế thực hiện dịch vụ đình sản (triệt sản):

- Người thực hiện đình sản (triệt sản) : 200.000 đồng/trường hợp.
- Cơ sở y tế thực hiện đình sản (triệt sản): 100.000 đồng/trường hợp.
- Kíp phẫu thuật đình sản (triệt sản): 80.000 đồng/trường hợp.

b) Hỗ trợ cho cộng tác viên dân số (01 Cộng tác viên phụ trách từ 150 hộ - 250 hộ) gồm những khu vực:

- Khu vực Thành phố Thủ Dầu Một, thị xã Thuận An, Dĩ An, Bến Cát, Tân Uyên: 0,25 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

- Khu vực huyện Bắc Tân Uyên, Bàu Bàng, Phú Giáo, Dầu Tiếng: 0,3 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

c) Đối với các đợt triển khai Chiến dịch tăng cường tuyên truyền vận động, lồng ghép chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình, ngân sách địa phương sẽ hỗ trợ thêm cho cán bộ làm công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình với các khoản chi như sau:

- Chi cho vận động, tư vấn đối tượng chấp nhận đình sản (triệt sản): 40.000 đồng/trường hợp.

- Chi cho vận động, tư vấn đối tượng chấp nhận đặt vòng, cấy thuốc tránh thai: 20.000 đồng/trường hợp.

- Chi đưa đón đối tượng đi thực hiện đình sản (triệt sản): 20.000 đồng/trường hợp.

- Chi đưa đón đối tượng đi thực hiện đặt vòng và cấy thuốc tránh thai: 20.000 đồng/trường hợp.

d) Đối tượng là hộ cận nghèo và hộ nghèo theo chuẩn nghèo của Tỉnh được cấp miễn phí phương tiện tránh thai và hỗ trợ chi phí sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh.

2. Chính sách khen thưởng:

a) Hàng năm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen (do Sở Y tế xét và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen) cho các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh (có từ 100 cán bộ, nhân viên trở lên) có thành tích liên tục 3 năm đạt các tiêu chuẩn trong thực hiện công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình như sau :

- Không có người sinh con lần thứ nhất trước 22 tuổi.
- Không có người sinh con thứ 2 cách con lần thứ nhất dưới 3 năm.
- Tổng số sinh trong đơn vị không vượt quá 25% so với nữ trong diện sinh (nữ trong diện sinh là nữ đã có chồng, chưa con hoặc có 01 con).

- Không có người sinh con lần thứ 3 trở lên (kể cả người đang mang thai).
- Trên 80% bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh.
- Trên 80% trẻ em được sàng lọc sơ sinh.
- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng đạt vượt chỉ tiêu kế hoạch giao hàng năm.

Tỷ lệ xét khen thưởng: Không quá 50% số lượng đạt các tiêu chuẩn trên

Mức khen thưởng: theo điểm a Khoản 2 Điều 75 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

b) Hàng năm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ thi đua xuất sắc cho xã, phường, thị trấn nổi trội nhất (do Sở Y tế xét và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen) có thành tích xuất sắc nhất đạt các tiêu chuẩn trong thực hiện công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình như sau:

- Giảm tỷ lệ sinh nhanh nhất trong các xã, phường, thị trấn trong năm/toàn tỉnh.

- Không có người sinh con lần thứ 3 trở lên trong năm (kể cả người đang mang thai).

- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng đạt, vượt chỉ tiêu kế hoạch giao hàng năm.

- Tỷ số giới tính khi sinh <110 (bé trai/bé gái)

- Trên 80% bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh.

- Trên 80% trẻ em được sàng lọc sơ sinh.

- Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (>30% người cao tuổi được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe dựa vào cộng đồng).

Mức khen thưởng: theo Điểm e Khoản 2 Điều 71 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

c) Hàng năm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ thi đua xuất sắc cho xã, phường, thị trấn nổi trội nhất (do Sở Y tế xét và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen) có thành tích liên tục 3 năm đạt các tiêu chuẩn trong thực hiện công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình như sau:

- Đạt tỷ lệ giảm sinh.

- Không có người sinh con lần thứ 3 trở lên (kể cả người đang mang thai).

- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng đạt, vượt chỉ tiêu kế hoạch giao.

- Tỷ số giới tính khi sinh <110 (bé trai/bé gái)

- Trên 80% bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh.
- Trên 80% trẻ em được sàng lọc sơ sinh.
- Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (trên 30% người cao tuổi được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe dựa vào cộng đồng).

Mức khen thưởng: theo Điểm e Khoản 2 Điều 71 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

d) Hàng năm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen cho các khu, ấp có thành tích 3 năm liên tục đạt các tiêu chuẩn trong thực hiện công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình như sau:

- Đạt tỷ lệ giảm sinh.
- Không có người sinh con lần thứ 3 trở lên (kể cả người đang mang thai).
- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng đạt vượt chỉ tiêu kế hoạch giao.
- Tỷ số giới tính khi sinh <110 (bé trai/bé gái).
- Trên 80% bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh.
- Trên 80% trẻ em được sàng lọc sơ sinh.
- Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (trên 30% người cao tuổi được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe dựa vào cộng đồng).

Tỷ lệ xét khen thưởng : Không quá 50% số lượng đạt các tiêu chuẩn trên

Mức khen thưởng: theo Điểm a Khoản 2 Điều 75 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

e) Hàng năm Sở Y tế cấp giấy chứng nhận cho các khu, ấp có thành tích đạt các tiêu chuẩn trong thực hiện công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình như sau:

- Giảm tỷ lệ sinh theo kế hoạch trong năm.
- Không có người sinh con lần thứ 3 trở lên trong năm (kể cả người đang mang thai).
- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng đạt vượt chỉ tiêu kế hoạch giao hàng năm.
- Tỷ số giới tính khi sinh <110 (bé trai/bé gái).
- 80% bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh.
- 80% trẻ em được sàng lọc sơ sinh.
- Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (trên 30% người cao tuổi được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe dựa vào cộng đồng).

Tỷ lệ xét khen thưởng: Không quá 50% số lượng đạt các tiêu chuẩn trên

Mức khen thưởng: theo Điểm d Khoản 2 Điều 71 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở Tài chính hướng dẫn xây dựng, kiểm tra việc quản lý và sử dụng kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

2. Giao Sở Y tế, Sở Nội vụ hướng dẫn thực hiện và kiểm tra việc khen thưởng đúng đối tượng theo Quyết định này.

3. Nguồn kinh phí Trung ương và kinh phí địa phương hỗ trợ cho chương trình mục tiêu Dân số - Kế hoạch hóa gia đình hàng năm.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 28/2009/QĐ-UBND ngày 12/5/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh Bình Dương và Quyết định số 43/2009/QĐ-UBND ngày 16/6/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chính sách khen thưởng về công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- VP: QH, CP;
- Các Bộ: NV, TC, YT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh, TT Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBNDTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, tx, tp;
- VPTU, VP ĐBQH-HĐND tỉnh;
- LĐVP, Thái, TH, TT Công Báo, Website tỉnh; Ư
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Thanh Cung